TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2024/HS-ST
Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Thái (cán bộ giáo dục hưu trí).

2. Ông Hà Nguyễn Minh Nam (cán bộ Mặt trận tổ quốc quận Phú Nhuận).

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khoăng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S; Sinh năm: 1999 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Trần Thị Thúy H; tiền án: không; tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 25/12/2023.

2. Nguyễn Minh L; Sinh ngày: 19/9/2006 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không; nơi ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: (Vô danh) và con bà: Nguyễn Thị Kim N; tiền án: không; tiền sự: không; Bị bắt giữ ngày 24/12/2023.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh L:

1. Ông Trương Nhật M – Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản H1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Nơi làm việc: I T, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ T1 - sinh năm 1968 (bà ngoại nuôi).

Địa chỉ: 118/27/25 N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- ***Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh L:*** Bà Trần Thị Hồng V - Luật sư cộng tác viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (có mặt).

- ***Bị hại:***

1. Ông Phạm Minh T2 - sinh năm 2005.

Địa chỉ: 6 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Phạm Ngọc L1 - sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố G, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Ông Trần Quốc T3 - sinh năm 1987.

Địa chỉ: A Đường số A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S và Nguyễn Minh L là các đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, nên đã nhiều lần cùng nhau thực hiện hành vi cướp tài sản của người khác để có tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 18/12/2023, khi đang đi dạo trong khu C của Công viên G, Phường C, quận G thì S nhìn thấy ông Phạm Minh T2 và bà Hoàng Thị N1 đang ngồi ở ghế đá nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông T2 và bà N1. S rủ L cùng thực hiện hành vi "Cướp tài sản" thì S đồng ý, cả hai cùng tiến đến trước mặt ông T2, L dùng 01 con dao bằng kim loại, dài khoảng 20 cm nhặt được trước đó hướng mũi dao về phía trước ngực ông T2, cách khoảng 0,5 mét để đe dọa và nói với ông T2 "đưa điện thoại đây", còn S đứng phía sau lưng L. Ông T2 đã chủ động lấy 400.000 đồng đưa cho L để không bị cướp điện thoại nhưng L vẫn tiếp tục yêu cầu ông T2 đưa điện thoại, do ông T2 không đưa nên S đã đi từ sau lưng L tới trước mặt T2 giật 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8 ông T2 đang cầm trên tay trái. Sau đó S và L tiếp tục bước qua trước mặt bà N1 và thực hiện hành vi đe dọa tương tự nhưng bà N1 quá hoảng sợ nên chỉ nhìn mà không đưa tài sản gì cho S và L. Do sợ bị phát hiện nên S đi vòng ra sau lưng bà N1 bỏ đi hướng về C thuộc Phường I, quận P. L thấy vậy nên cũng đi theo S để tẩu thoát và vứt con dao (không xác định được địa điểm). L bán điện thoại di động cướp được cho một người (không rõ lai lịch) với giá 200.000 đồng. Tổng tài sản S và L đã chiếm đoạt của ông Phạm Minh T2 là 600.000 đồng. Trong đó L được hưởng 350.000 đồng và chia cho S 250.000 đồng, số tiền này S và L đã tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 22/12/2023, S tiếp tục đi dạo trong khu vực Công viên G thì nhặt được 01 cây kéo bằng kim loại và cất vào túi quần. Sau đó, S

gặp L tại khu C của Công viên G, Phường C, quận G và cả 02 cùng rủ nhau đi cướp tài sản của người khác. S lấy cây kéo nhặt được trước đó đưa cho L để làm hung khí cướp tài sản, L nhận lấy rồi cất vào túi quần, sau khi chuẩn bị xong cả 02 di chuyển đến Khu B của Công viên G, Phường I, quận P. Đến 03 giờ ngày 23/12/2023, S và L gặp ông Phạm Ngọc L1 và rủ L1 quan hệ tình dục thì L1 đồng ý. Cả 03 người đi ra băng ghế đá phía sau nhà vệ sinh B2, khu B của Công viên G. Tại đây, L1 ngồi trên ghế đá, S đứng để Lịch quan hệ bằng miệng vào bộ phận sinh dục, còn L ngồi kế bên tay phải của L1. Khoảng 05 phút sau, L dùng tay trái khoác lên cổ của L1, còn tay phải cầm 01 cây kéo bằng kim loại kề vào cổ bên phải của L1 rồi S và L liên tục dùng lời nói uy hiếp yêu cầu L1 đưa tài sản. S nói: "Mày có bao nhiêu tiền móc hết ra đây, không móc thì tao không cho mày ra khỏi đây và tao giết mày", còn L nói: "Mày có đưa tiền ra hay không, tao đâm bỏ mẹ mày". Sau đó, S mở túi của L1 đang đeo trước ngực và lấy các tài sản gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 màu đen, 1.200.000 đồng và 01 thẻ ngân hàng V1.

Sau khi ra khỏi công viên, S nói L để S đi bán điện thoại, qua ngày hôm sau sẽ hẹn gặp để chia tiền, còn 01 cây kéo sử dụng làm hung khí, sau khi L đưa lại cho S, S đã vứt đi (không xác định được địa điểm). Sau khi S và L tách nhau ra đi hướng khác nhau thì L đã bị ông L1 bắt gặp, truy hô và cùng người dân đưa về trụ sở Công an phường. S nhìn thấy L bị bắt giữ nên tiếp tục bỏ chạy và đem điện thoại di động cướp được đi bán cho ông Trần Quốc T3 tại cửa hàng F L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh được 2.200.000 đồng. Khi mua bán, S nói với chủ cửa hàng là điện thoại cá nhân. Số tiền bán điện thoại S đã tiêu xài hết. Còn số tiền 1.200.000 đồng và thẻ ngân hàng của bị hai, S không sử dụng và đã vứt xuống đường (không xác định được địa điểm). Đến 22 giờ ngày 24/12/2023, Cơ quan Công an đã phát hiện và mời S về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn S và Nguyễn Minh L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ông Trần Quốc T3 khai ngày 23/12/2023 có mua 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 7 của Nguyễn Văn S với giá 2.200.000 đồng. Ông T3 không biết chiếc điện thoại này do S cướp của người khác mà có và đã tiến hành giao nộp lại cho Cơ quan điều tra theo quy định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P không xem xét trách nhiệm hình sự và quyết định giao trả lại điện thoại cho ông L1.

Tài sản bị chiếm đoạt:

Lần 1: 400.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8. Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 20/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân quận G kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8, dung lượng 32 GB, đã qua sử dụng trị giá 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Lần 2: 1.200.000 đồng và 01 thẻ ngân hàng V1, 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 7. Tại Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 01/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân quận P kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 7, màu đen, mua năm 2021, đã qua sử dụng trị giá 3.967.000 đồng (ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Tổng trị tài sản bị chiếm đoạt là: 6.167.000 đồng (sáu triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Về vật chứng vụ án:

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 là điện thoại của L sử dụng để liên lạc cá nhân; 01 áo tay dài màu đen, 01 quần dài màu đen L mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 áo khoác dài tay, màu đen; 01 áo thun ngắn tay, có cổ màu xám; 01 quần tây dài màu đen S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; Công an quận P đã tạm giữ lại.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Phạm Minh T2 và ông Phạm Ngọc L1 không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại Cáo trạng số 59/CT-VKS-HM ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Nguyễn Văn S và Nguyễn Minh L về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, nêu lên những tình tiết tăng nặng (bị cáo S xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội; các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên) và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải); đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm g, o khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn S 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

Bị cáo Nguyễn Minh L từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Văn S: Không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh L trình bày lời bào chữa: thống nhất tội danh như cáo trạng truy tố. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L vì các lý do sau: Bị cáo lúc phạm tội chưa thành niên, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị

tâm thần không có khả năng nuôi con, không biết bố là ai, sống với bà ngoại nuôi là dì của mẹ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thiệt hại trong vụ án không lớn.

- Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh L:

Không có ý kiến tranh luận gì cũng như không có ý kiến gì bổ sung cho lời bào chữa của người bào chữa, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và khoan hồng cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Minh L: Không có ý kiến bổ sung cho lời bào chữa của người bào chữa.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Do bị cáo Nguyễn Minh L sinh ngày 19/9/2006 là người dưới 18 tuổi, nên cần phải có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng tại Tòa án; xét thấy bị cáo L không có cha và mẹ ruột thì bị bệnh tâm thần (theo lời xác nhận của dì ruột và người bào chữa), hiện không xác định được người thân thích khác ngoài bà Nguyễn Thị Mỹ T1 tự xưng là bà ngoại nuôi xin làm người đại diện hợp pháp cho bị cáo L; đồng thời quá trình tiến hành tố tụng thì cơ quan điều tra đã mời ông Trương Nhật M là Phó bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản H1, quận P làm người đại diện hợp pháp cho bị cáo L trong vụ án này;

tại phiên tòa bị cáo L đồng ý bà T1 và ông M làm người đại diện hợp pháp cho bị cáo L trong vụ án này. Do vậy theo quy định tại Điều 134 và Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án quyết định bà T1 và ông M là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Minh L tham gia tố tụng tại Tòa án trong vụ án này.

[4] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Đây là vụ án "Cướp tài sản" do Nguyễn Văn S và Phạm Minh L2 thống nhất ý chí hành động thực hiện, cụ thể: Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 18/12/2023, tại khu C của Công viên G, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, S và L2 sử dụng 01 con dao bằng kim loại để đe dọa, cướp của ông Phạm Minh T2 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8 trị giá 600.000 đồng và số tiền 400.000 đồng. Đến khoảng 03 giờ 00 phút ngày 22/12/2023, tại tại khu B của Công viên G, Phường I, quận P, S và L2 tiếp tục sử dụng 01 cây kéo bằng kim loại để đe dọa, cướp của ông Phạm Ngọc L1 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 7 trị giá 3.967.000 đồng, số tiền 1.200.000 đồng và 01 thẻ ngân hàng mang tên Phạm Ngọc L1. Tổng giá trị tài sản S và L2 đã chiếm đoạt là 6.167.000 đồng (sáu triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Do vậy, các bị cáo Nguyễn Văn S và Phạm Minh L2 bị truy tố và xét xử về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm giúp sức, thông mưu đơn giản, cùng thực hiện hành vi "Cướp tài sản" của các bị hại, trong đó: S là người khởi xướng và cả hai cùng chuẩn bị hung khí và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải đưa các bị cáo ra xét xử trước pháp luật và áp dụng hình phạt nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "phạm tội 02 lần trở lên" nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). S xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội (bị

cáo Nguyễn Minh L); do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L có hoàn cảnh đáng thương (cha không rõ, mẹ bị bệnh tâm thần, bị cáo từ nhỏ sống nhờ vào tình thường của người bà ngoại nuôi là dì ruột của mẹ); nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); ngoài ra bị cáo L khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên căn cứ Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) lượng hình thích hợp, ngắn nhất đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo S do mới bị kết án lần đầu. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L do là người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm.

[6] Về xử lý vật chứng vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại ông Phạm Minh T2, ông Phạm Ngọc L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T3 không yêu cầu bồi thường gì; do vậy, không có gì để Tòa án giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 là điện thoại của L sử dụng để liên lạc cá nhân; vậy căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; trả lại cho bị cáo Phạm Minh L2.

Đối với: 01 áo tay dài màu đen, 01 quần dài màu đen L2 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 áo khoác dài tay, màu đen; 01 áo thun ngắn tay, có cổ màu xám; 01 quần tây dài màu đen S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Minh L phạm tội "Cướp tài sản".

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm g, o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2023.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2023

- Căn cứ điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho bị cáo Phạm Minh L2: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 áo tay dài màu đen; 01 quần dài màu đen; 01 áo khoác dài tay, màu đen; 01 áo thun ngắn tay, có cổ màu xám; 01 quần tây dài màu đen.

(Tình trạng vật chứng và tài sản theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14/8/2024 giữa Công an quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Buộc: Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND H.HM; (4)
- Công an H.HM; (2)
- Chi cục THADS H.HM; (1)
- Người tham gia tố tụng; (8)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương Giang